



MS: 07C/HĐTD-PN

(Áp dụng cho vay từng lần trung, dài hạn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:-LAV-.....

Hôm nay, ngày.....tại trụ sở Agribank Chi nhánh/PGD....., chúng tôi gồm:

BÊN CHO VAY: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM (AGRIBANK)

CHI

NHÁNH/PGD

- Mã số đăng ký Chi nhánh: 0100686174-..... Điện thoại:.....; Fax:

- Địa chỉ Chi nhánh:

- Người đại diện là: Ông/Bà: Chức vụ:

(Theo Quyết định sốngày /...../.... của và Văn bản ủy quyền lại (nếu có) số ngày.../...../.....của Ông/Bà, chức vụ:)

(Sau đây gọi là “Ngân hàng”).

BÊN

VAY:

- Mã số doanh nghiệp số:, đăng ký lần đầu ngày .../.../....., đăng ký lần ngày/...../..... do cấp.

- Trụ sở đăng ký tại:

- Người đại diện là: Ông/Bà: Chức vụ:

- Giấy CMND/CCCD số do cấp ngày

(Theo Văn bản ủy quyền số Ngày của, chức vụhoặc theo Biên bản/Nghị quyết của cấp có thẩm quyền của Doanh nghiệp). (nếu có)

- Tài khoản thanh toán VNĐ số :.....tại

- Tài khoản thanh toán ngoại tệ số:..... tại (nếu có)

(Sau đây gọi là “Khách hàng”).

Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng này với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Giải thích từ ngữ và nguyên tắc giải thích hợp đồng

1. Giải thích từ ngữ: Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Bên cho vay (Ngân hàng) là Agribank, Chi nhánh và Phòng giao dịch phụ thuộc. Mọi giao dịch phát sinh từ giao kết của người đại diện theo quy định của Ngân hàng đều làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với Ngân hàng.

b) Hợp đồng: là Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ, phụ lục Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến Hợp đồng được thỏa thuận, giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng;

c) Giấy nhận nợ: là văn bản thỏa thuận cho vay do Khách hàng và Ngân hàng cùng lập, ký trên cơ sở Hợp đồng nhằm xác nhận những giao dịch cụ thể và là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng;

d) Thời hạn cho vay: là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay cho đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền; Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo;

đ) Khoản nợ: là số tiền vay được Ngân hàng giải ngân cho Khách hàng và ghi trong từng Giấy nhận nợ;

e) Lãi tiền vay: bao gồm lãi trên dư nợ gốc trong hạn, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 6 Hợp đồng này;

g) Ngân hàng chủ động trích tiền: là việc Ngân hàng chủ động trích tiền trên tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và các tài khoản khác của Khách hàng và/hoặc đơn vị phụ thuộc của Khách hàng mở tại Ngân hàng để thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có);

h) Thay đổi bất lợi đáng kể: là bất kỳ sự kiện, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nào mà theo xác định của Ngân hàng có thể ảnh hưởng bất lợi đến: Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc tài sản của Khách hàng; Khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng; Khách hàng bị phân loại vào nhóm nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

i) Văn bản tín dụng: bao gồm và không giới hạn các văn bản sau: Hợp đồng này và các Hợp đồng cụ thể có liên quan đến hợp đồng này (nếu có); Hợp đồng bảo đảm; Phương án sử dụng vốn vay và các tài liệu chứng minh Khách hàng đủ điều kiện vay vốn; Thông báo chuyển nợ quá hạn; Các cam kết đơn phương của khách hàng, bên bảo đảm và các văn bản thỏa thuận khác liên quan và/hoặc vì mục đích của Hợp đồng này;

k) Sự kiện biến động thị trường: là sự kiện, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc sự thay đổi mà theo xác định của Ngân hàng có thể dẫn đến:

(i) Ngân hàng không thể giải ngân khoản vay theo yêu cầu của Khách hàng do không thể giải ngân bằng loại tiền tệ tương ứng với loại tiền tệ của khoản vay hoặc không thể giải ngân khoản vay do việc áp dụng các quy định của luật pháp Việt Nam;

(ii) Mức lãi suất cho vay để giải ngân khoản vay theo tính toán của Ngân hàng vượt quá quy định của luật pháp Việt Nam cho phép;

l) Các từ ngữ khác không được giải thích tại Hợp đồng này mà pháp luật Việt Nam có quy định, được hiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Nguyên tắc giải thích hợp đồng

a) Tiêu đề các Điều trong Hợp đồng này chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc theo dõi Hợp đồng, không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung các Điều trong Hợp đồng;

b) Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản hoặc thỏa thuận nào sẽ bao gồm cả bất kỳ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc gia hạn đối với văn bản hoặc thỏa thuận đó;

c) Dẫn chiếu tới bất kỳ bên nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới cả bên kế thừa hoặc bên nhận chuyển nhượng hoặc bên nhận chuyển giao được phép của bên đó;

Điều 2. Số tiền cấp tín dụng, đồng tiền cho vay, trả nợ, mục đích sử dụng vốn vay

1. Số tiền vay:đồng; Bằng chữ:

2. Đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ:

3. Mục đích sử dụng vốn vay:

Điều 3. Phương thức cho vay; Thời hạn cho vay

1. Phương thức cho vay: từng lần

2. Thời hạn cho vay: tháng, từ ngày .../.../.... đến ngày .../.../...

3. Thời gian ân hạn (tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc không quátháng kể từ ngày dự án đi vào hoạt động có doanh thu tùy điều kiện nào đến trước thì áp dụng theo điều kiện đó.

Điều 4. Lãi suất cho vay và phí liên quan tới khoản vay

1. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc trong hạn:

b) Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn:

c) Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả:

2. Phí liên quan đến khoản vay:

Điều 5. Giải ngân vốn vay

1. Điều kiện giải ngân vốn cho vay: Ngân hàng đồng ý giải ngân vốn cho vay sau khi Khách hàng đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Số tiền đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn vay không vượt quá hạn mức cho vay quy định tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng này và trong thời hạn giải ngân quy định tại khoản 3 Điều 3 Hợp đồng này;

b) Cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ vay vốn, tài liệu, văn bản liên quan đến mục đích sử dụng vốn vay với số lượng, nội dung và hình thức đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng;

c) Hoàn thành thủ tục về bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng; Chấp hành đầy đủ thỏa thuận về tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của Ngân hàng.

d) Không có bất kỳ Sự kiện vi phạm, Sự kiện biến động thị trường nào theo quy định tại Hợp đồng này;

đ) Các điều kiện khác trước khi giải ngân (nếu có):

e) Các điều kiện khác (nếu có)

2. Thời hạn giải ngân vốn cho vay:

a) Thời hạn giải ngân vốn cho vay tối đa là.....(tháng) kể từ ngày....; Trong thời hạn giải ngân vốn cho vay, Ngân hàng giải ngân vốn cho vay theo tiến độ

thực hiện dự án/phương án; Khách hàng cung cấp kế hoạch giải ngân cho Ngân hàng trướcngày làm việc để Ngân hàng thu xếp vốn và tổ chức thực hiện.

b) Thời điểm rút vốn lần đầu:.....(nếu có); Số tiền giải ngân lần đầu

c) Thứ tự giải ngân vốn đối ứng và vốn vay

3. Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay:

Mỗi lần đề nghị giải ngân vốn cho vay, Khách hàng cung cấp các tài liệu có nội dung, hình thức, số lượng đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

a) Bản gốc Giấy nhận nợ;

b) Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay;

c) Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng.

4. Giải ngân vốn cho vay để thanh toán L/C (nếu có)

Trường hợp Ngân hàng giải ngân vốn cho vay để thanh toán L/C có nguồn thanh toán từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng này thì khách hàng đồng ý việc Ngân hàng hạch toán ghi nợ vào tài khoản vay của Khách hàng số tiền Ngân hàng đã giải ngân để thanh toán theo L/C. Trong trường hợp này, Khách hàng đồng ý nhận nợ vay số tiền thực tế Ngân hàng đã giải ngân để thanh toán theo L/C với thời hạn, lãi suất và các nội dung khác theo thông báo của Ngân hàng và văn bản khác có liên quan trong văn bản tín dụng.

5. Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay: Ngân hàng giải ngân vốn cho vay cho Khách hàng bằng tiền mặt và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Khách hàng chỉ định theo thỏa thuận tại Giấy nhận nợ phù hợp với quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 6. Trả nợ gốc, lãi tiền vay, trả nợ trước hạn, phí liên quan tới khoản vay và thứ tự thu hồi gốc, lãi tiền vay

1. Trả nợ gốc

Kỳ hạn trả nợ gốc:

2. Trả lãi tiền vay

a) Trả lãi tiền vay trên dư nợ gốc trong hạn:.....Trường hợp ngày đến hạn trả nợ không phải là ngày làm việc thì được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

(i) Tiền lãi trên dư nợ gốc trong hạn được tính bằng $(=)$ số dư nợ gốc trong hạn nhân (x) số ngày dư nợ trong hạn nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn chia $(:)$ cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

(ii) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết Khoản nợ hoặc ngày đến hạn tùy vào ngày nào đến trước và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi;

b) Trả lãi tiền vay trên dư nợ gốc bị quá hạn: Khi đến hạn thanh toán mà Khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn theo lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này;

(i) Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn bằng $(=)$ dư nợ gốc bị quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn chia $(:)$ cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày;

(ii) Dư nợ gốc bị quá hạn bao gồm: dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này và không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; Số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Hợp đồng này;

c) Trả lãi chậm trả: Khi đến hạn trả lãi mà Khách hàng không trả đúng hạn thì phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng này;

Tiền lãi chậm trả bằng $(=)$ (số tiền lãi trong hạn phải trả nhưng chưa trả nhân (x) lãi suất chậm trả $(\dots\%/năm)$ nhân (x) số ngày chậm trả) chia $(:)$ cho 365 ngày.

d) Trường hợp Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc.

3. Trả nợ trước hạn

a) Khách hàng chỉ được trả một phần hoặc toàn bộ khoản nợ trước hạn nếu được Ngân hàng đồng ý và phải trả phí trả nợ trước hạn;

b) Khách hàng phải trả nợ trước hạn và không phải trả phí trả nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Hợp đồng này;

c) Trường hợp Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của các Khoản nợ theo Hợp đồng này thì lãi tiền vay của (các) Khoản nợ mà Khách hàng trả nợ trước hạn cũng đến hạn cùng ngày với ngày Khách hàng trả nợ gốc trước hạn; Khách hàng phải trả lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả nợ gốc trước hạn.

4. Trả các loại phí

a) Trường hợp có phát sinh các loại phí có liên quan đến (các) Khoản nợ, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng này hoặc tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ có liên quan đến (các) khoản nợ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

b) Trường hợp Khách hàng trả nợ trước hạn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Hợp đồng này thì phải chịu phí trả nợ trước hạn, mức phí Khách hàng phải trả được xác định theo cách tính sau:

Số tiền phí trả nợ trước hạn bằng $(=)$ số tiền trả nợ trước hạn nhân (x) tỷ lệ phí.

c) Khách hàng có nghĩa vụ trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/ chứng thực /xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc cho vay theo Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã tạm ứng trả thay Khách hàng.

5. Đồng tiền thanh toán

a) Đồng tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay là đồng tiền Khách hàng đã nhận nợ tại Ngân hàng. Đồng tiền trả các loại phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp đồng này là đồng Việt Nam;

b) Trường hợp đồng tiền cho vay là ngoại tệ mà Khách hàng có thể trả nợ gốc và lãi tiền vay bằng đồng tiền khác thì việc trả nợ đó phải phù hợp quy định của Ngân hàng tại thời điểm Khách hàng trả nợ gốc và lãi tiền vay và quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

c) Trong trường hợp Ngân hàng chủ động trích tiền để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này mà đồng tiền trong tài khoản được Ngân hàng chủ động trích tiền khác với đồng tiền Khách hàng phải trả theo quy định tại Hợp đồng này thì Ngân hàng được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi và trừ phí quy đổi tiền tệ theo quy định của Ngân hàng.

6. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay

a) Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Ngân hàng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Ngân hàng thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.

b) Trường hợp có thỏa thuận khác thì thực hiện theo thỏa thuận đó.

7. Nguồn trả nợ(từ nguồn khấu hao, lợi nhuận, hoàn thuế VAT và nguồn thu khác của khách hàng).

8. Quản lý nguồn thu..... (nếu có)

Điều 7. Cơ cấu nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, theo đề nghị của Khách hàng tại phương án cơ cấu nợ, Ngân hàng đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng và quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Chuyển nợ quá hạn: Đến kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận trong Hợp đồng này (không phụ thuộc vào việc Khách hàng có nhận được Thông báo chuyển nợ quá hạn hay không), nếu Khách hàng không trả nợ và không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ đúng hạn. Khách hàng phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này đối với dư nợ gốc bị quá hạn đó.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

1. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm tại (các) Hợp đồng bảo đảm cụ thể như sau:

a) Thế chấp tài sản dự án làGiá trị tài sảnbằng tổng mức đầu tư dự kiến;

b) Cầm cố tài sản là ;

c) Bảo lãnh của theo hợp đồng bảo lãnh số ;

d) Thế chấp tài sản là

Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng hoặc Bên bảo đảm.

2. Nghĩa vụ của Khách hàng còn được bảo đảm bởi (các) Hợp đồng bảo đảm khác được giao kết trước hoặc sau ngày giao kết hợp đồng này, bảo đảm cho Hợp đồng này.

3. Trong trường hợp Ngân hàng có yêu cầu bắt buộc về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, Khách hàng có nghĩa vụ phải thực hiện việc mua bảo hiểm này theo đúng thời hạn và các điều kiện, yêu cầu của Ngân hàng.

Điều 9. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay

1. Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng thông tin, tài liệu

a) Bộ hồ sơ vay vốn theo quy định của Ngân hàng;

b) Báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Ngân hàng;

c) Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với trường hợp khách hàng phải lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; báo cáo tình hình tài chính của khách hàng theo hướng dẫn của Ngân hàng;

d) Định kỳ hoặc khi được yêu cầu: Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Khách hàng, thông tin, tài liệu chứng minh năng lực tài chính của bên bảo lãnh theo các Hợp đồng bảo lãnh;

đ) Thông báo bằng văn bản và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng khi Khách hàng phát sinh một trong các trường hợp sau:

(i) Chuẩn bị thực hiện ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản, chỉ định người quản lý tài sản, chia/ tách/ sáp nhập/ hợp nhất/ cổ phần hóa/ chuyển đổi hình thức pháp lý khác hoặc sự kiện có tính chất tương tự;

(ii) Đổi tên; sửa đổi, bổ sung điều lệ; thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Khách hàng. Trường hợp Khách hàng không thông báo thay đổi địa chỉ với Ngân hàng thì địa chỉ nhận văn bản của khách hàng khi Ngân hàng hoặc các cơ quan có thẩm quyền tổng đạt văn bản là địa chỉ mà Khách hàng đã cung cấp cho Ngân hàng trong Hợp đồng này.

(iii) Thay đổi về tài sản bảo đảm và hình thức pháp lý của bên bảo đảm hoặc bên bảo lãnh có liên quan (nếu có);

(iv) Xảy ra bất kỳ Thay đổi bất lợi đáng kể, Sự kiện vi phạm nào và các biện pháp mà Khách hàng đang thực hiện để khắc phục các sự kiện này;

2. Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng thông tin, tài liệu

a) Thông tin về lãi suất cho vay, nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh;

b) Lý do từ chối yêu cầu rút vốn khi Khách hàng không còn đáp ứng đủ điều kiện vay vốn hoặc theo yêu cầu;

c) Thông báo chuyển nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm;

3. Cung cấp thông tin, tài liệu cho Bên thứ ba:

Khách hàng đồng ý để Ngân hàng được cung cấp mọi thông tin, tài liệu liên quan đến Khách hàng, bên bảo đảm theo các Văn bản tín dụng mà Ngân hàng đang lưu giữ cho công ty con, chi nhánh/đơn vị trong cùng hệ thống của Ngân hàng, luật sư, nhà tư vấn, nhà đại diện, đại lý, nhà cung cấp, tổ chức kiểm toán cho Ngân hàng, bên nhận chuyển nhượng (hoặc có khả năng sẽ nhận chuyển nhượng) khoản vay theo các Văn bản tín dụng, tổ chức và/hoặc cá nhân được Ngân hàng ủy thác xử lý nợ, Trung tâm thông tin tín dụng (CIC), các Công ty thông tin tín dụng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức cung cấp thông tin: Nhận trực tiếp, qua bưu điện, fax, tin nhắn qua Zalo, SMS qua điện thoại, email

5. Hiệu lực của thông tin, tài liệu: Mọi thông tin, tài liệu sẽ có hiệu lực vào ngày làm việc tiếp theo của ngày nhận được thông tin, tài liệu.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

1. Quyền của Khách hàng

a) Được nhận đầy đủ tiền vay theo các điều kiện quy định tại Hợp đồng này;

b) Từ chối các yêu cầu của Ngân hàng không đúng với thỏa thuận tại Hợp đồng này;

c) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Hợp đồng này theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu Ngân hàng thông báo lý do không tiếp tục cho vay;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Khách hàng

a) Cung cấp cho Ngân hàng thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đúng thời hạn đã thỏa thuận với Ngân hàng;

c) Chấp hành các yêu cầu kiểm tra, giám sát của Ngân hàng về sử dụng vốn vay và trả nợ, tình hình tài sản bảo đảm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Khách hàng;

d) Bàn giao tài sản và phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật;

đ) Có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc, lãi, các nghĩa vụ tài chính khác với Ngân hàng và bổ sung các biện pháp bảo đảm nếu sau khi áp dụng biện pháp xử lý nợ mà Khách hàng vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ;

e) Không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng để tặng cho, bảo đảm cho các nghĩa vụ khác của Khách hàng và của bên thứ 3 tại các tổ chức tín dụng khác (trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý bằng văn bản);

g) Mua và duy trì bảo hiểm đối với tài sản, tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

h) Thực hiện đầy đủ các thỏa thuận, cam kết khác nêu trong Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Quyền của Ngân hàng

a) Yêu cầu Khách hàng cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu và các thông tin khác trước, trong và sau khi cho vay;

b) Từ chối các yêu cầu của Khách hàng không đúng quy định của pháp luật, quy định cho vay của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng này;

c) Từ chối tiếp tục giải ngân vốn cho vay, từng lần cho vay cụ thể nếu Khách hàng không đáp ứng được yêu cầu, điều kiện vay vốn, điều kiện rút vốn vay hoặc Ngân hàng bị hạn chế về nguồn vốn do Sự kiện biến động thị trường;

d) Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, trả nợ của Khách hàng;

đ) Tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

e) Khi đến hạn mà Khách hàng không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu bất cứ Bên bảo lãnh, Bên bảo đảm nào thực hiện nghĩa vụ theo các Hợp đồng bảo đảm đã giao kết với Ngân hàng, có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý nợ, thu giữ tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm, quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ và/hoặc khởi kiện, tố cáo theo quy định của pháp luật;

g) Được quyền bán một phần hoặc toàn bộ khoản vay của Khách hàng phát sinh theo Hợp đồng này và các văn bản có liên quan; Miễn, giảm lãi tiền vay, phí, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ, xoá nợ theo quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng và thông báo cho Khách hàng;

h) Vào ngày đến hạn thanh toán, Ngân hàng được chủ động bù trừ nghĩa vụ thông qua việc trích tiền từ bất kỳ tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi của khách hàng ký kết với Ngân hàng, bất kỳ giấy tờ có giá nào do Ngân hàng phát hành thuộc sở hữu của Khách hàng, bất kỳ khoản tiền, quyền và quyền lợi đối với bất kỳ tài sản nào khác của Khách hàng đang được Ngân hàng lưu giữ, quản lý, kiểm soát. Sau khi thực hiện xong việc bù trừ nghĩa vụ của Khách hàng, Ngân hàng thông báo cho Khách hàng biết;

i) Yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục Sự kiện vi phạm, Thay đổi bất lợi đáng kể;

k) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Ngân hàng

a) Cung cấp thông tin, tài liệu cho khách hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;

b) Thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;

c) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Sự kiện vi phạm, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, xử lý nợ

1. Sự kiện vi phạm: Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là sự kiện vi phạm

a) Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo các Văn bản tín dụng;

b) Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích;

c) Khách hàng xảy ra bất kỳ một Thay đổi bất lợi đáng kể nào;

d) Tài sản đảm bảo phát sinh tranh chấp, bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên, tịch thu, tạm giữ theo quy định của pháp luật hoặc xảy ra các sự kiện pháp lý khác đe dọa làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm tại Hợp đồng này; Giá trị tài sản bảo đảm bị giảm vì bất kỳ lý do nào và không còn đủ giá trị để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả nợ vay mà Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm không bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Ngân hàng quy định tại các Văn bản tín dụng;

đ) Bên bảo lãnh, Bên bảo đảm bị phá sản, giải thể hoặc theo ý kiến của Ngân hàng không còn khả năng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ mà Khách hàng không có Bên bảo lãnh hoặc biện pháp bảo đảm khác thay thế;

e) Khách hàng không mua bảo hiểm theo yêu cầu của Ngân hàng;

g) Ngân hàng có cơ sở xác định bất kỳ thông tin, cam kết, cam đoan nào do Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh đưa ra trong các Văn bản tín dụng là không chính xác, không trung thực và không hợp lý;

h) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ bất kỳ nghĩa vụ, cam kết đã thỏa thuận với Ngân hàng trong các Văn bản tín dụng;

i) Khách hàng được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục phá sản, ngừng hoạt động hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể theo quy định của pháp luật;

k) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh bị Tòa án hoặc Trọng tài có thẩm quyền ra phán quyết mà Ngân hàng có cơ sở xác định phán quyết này có khả năng dẫn đến Thay đổi bất lợi đáng kể;

l) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào quy định tại các Văn bản tín dụng hoặc thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên;

m) Bất kỳ hành vi nào dẫn tới tài sản hình thành từ vốn vay hoặc tiền đã trả nợ Ngân hàng bị phong tỏa, tịch thu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

n) Khách hàng bị phân loại vào nhóm nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc các trường hợp khác theo đánh giá của Ngân hàng có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách hàng;

o) Khách hàng không tuân thủ cam kết quản lý nguồn trả nợ theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Hợp đồng này (*nếu có thỏa thuận*).

2. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn

a) Khi xảy ra một, một số hoặc tất cả Sự kiện vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này Ngân hàng được quyền xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn một phần hoặc toàn bộ Khoản vay và thông báo cho khách hàng bằng văn bản.

b) Khách hàng phải trả số nợ gốc bị thu hồi trước hạn và tiền lãi, phí theo thông báo bằng văn bản của Ngân hàng tại điểm a khoản này. Trường hợp Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với nợ gốc bị quá hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này.

3. Xử lý nợ vay

Khi xảy ra bất kỳ Sự kiện vi phạm nào quy định tại Hợp đồng này, Ngân hàng được chủ động áp dụng một, một số hoặc tất cả biện pháp dưới đây để xử lý nợ vay:

a) Chủ động trích tiền hoặc yêu cầu Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay và tất cả các nghĩa vụ khác phát sinh theo các Văn bản tín dụng;

b) Yêu cầu Khách hàng bổ sung tài sản bảo đảm để bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh theo các Văn bản tín dụng;

c) Yêu cầu Bên bảo lãnh, Bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào theo Hợp đồng bảo đảm, tài sản hình thành từ vốn vay có liên quan theo Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

đ) Khởi kiện hoặc đề nghị Tòa án mở thủ tục phá sản đối với Khách hàng theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các biện pháp thu hồi nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Khách hàng phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh khi Ngân hàng áp dụng các biện pháp xử lý nợ vay để thu hồi nợ.

Điều 13. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm

a) Ngân hàng và Khách hàng đồng ý trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bất kỳ bên nào có hành vi vi phạm Hợp đồng này thì phải chịu khoản tiền phạt bằng%/số tiền vi phạm;

b) Việc phạt vi phạm quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng hạn và phải trả lãi trên nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả quy định tại Hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại

Bất kỳ bên nào (Ngân hàng và Khách hàng) có hành vi vi phạm Hợp đồng này gây thiệt hại cho bên kia thì ngoài việc chịu phạt vi phạm theo khoản 1 Điều này còn phải bồi thường toàn bộ các chi phí và thiệt hại phát sinh theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) hoặc Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cam kết của các Bên

1. Cam kết của Khách hàng

a) Trong tất cả các nghĩa vụ của khách hàng thì nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của Khách hàng theo các Văn bản tín dụng có thứ tự ưu tiên trả nợ thứ nhất, trừ các nghĩa vụ bắt buộc ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật;

b) Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Khách hàng;

c) Không có bất kỳ thủ tục nội bộ hoặc thủ tục pháp lý nào liên quan đến việc tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản.

d) Đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ các thông tin về: thẩm quyền, lãi suất cho vay; lãi suất áp dụng đối với nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này;

đ) Tỷ lệ vốn đối ứng tham gia phương án sử dụng vốn tối thiểu là% tổng nhu cầu vốn;

e) Các cam kết khác:

2. Cam kết của Ngân hàng: Đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ để được phép ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

Điều 16. Các thỏa thuận khác

1. Chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ, chuyển giao nghĩa vụ

a) Ngân hàng được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh theo các Văn bản tín dụng cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng, Ngân hàng có nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng biết;

b) Khách hàng không được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh theo các Văn bản tín dụng, trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý trước bằng văn bản. Mọi trường hợp chuyển giao, chuyển nhượng khi chưa có chấp thuận của Ngân hàng đều là trái luật và không có giá trị pháp lý.

2. Không từ bỏ quyền: Việc Ngân hàng không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này không được coi là từ bỏ các quyền đó.

3. Bảng chứng về nghĩa vụ nợ: Ngân hàng duy trì hệ thống sổ sách và/hoặc máy tính để hạch toán Khoản nợ của Khách hàng tại từng thời điểm phù hợp với quy định tại Hợp đồng này. Khách hàng chấp nhận nội dung của các bút toán trong sổ sách, chương trình hạch toán của Ngân hàng thể hiện nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng, trừ trường hợp Khách hàng chứng minh được các bút toán đó bị sai.

4. Khôi phục nghĩa vụ nợ: Trường hợp các khoản nợ gốc, lãi, phí (nếu có) của Khách hàng được thanh toán bằng các khoản tiền có nguồn gốc do vi phạm pháp luật mà có, hoặc là vật chứng của vụ án hình sự hoặc do nguyên nhân khác dẫn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu phong tỏa, thu hồi (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đã tắt toán, tài sản bảo đảm đã giải chấp) thì Khách hàng chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Ngân hàng toàn bộ số tiền đó. Hợp đồng tín dụng đã ký và hồ sơ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp là bằng chứng pháp lý để Ngân hàng tiếp tục ghi nợ cho Khách hàng.

5. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng: Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và phải được đại diện hợp pháp của các bên ký, đóng dấu.

6. Hiệu lực từng phần: Từng điều khoản của Hợp đồng này có hiệu lực riêng biệt và độc lập nhau. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật, thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp đồng này không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

7. Thỏa thuận khác

Điều 17. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo là một thể thống nhất, xác lập toàn bộ quyền và nghĩa vụ của các bên.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngàycho đến khi Khách hàng đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Các bên thống nhất Hợp đồng này được khôi phục lại thời hạn hiệu lực mà không gián đoạn trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 16 Hợp đồng này.

3. Hợp đồng này được lập thành [.....] bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Ngân hàng giữ [.....] bản và Khách hàng giữ [.....] bản.

Hai bên đã đọc kỹ, hiểu rõ đầy đủ các điều khoản, điều kiện và hoàn toàn tự nguyện đồng ý tham gia ký kết, thực hiện Hợp đồng này và Văn bản tín dụng có liên quan.

Để ghi nhận các thỏa thuận trong Hợp đồng này, đại diện hợp pháp của Khách hàng và Ngân hàng cùng ký Hợp đồng này làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG
(Ký tên, đóng dấu)

